

Số: 11 /2025/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 112/2024/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ được xác định theo số liệu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất của năm liền kề trước năm kế hoạch. Riêng đối với kinh phí phân bổ cho năm 2025 là số liệu theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng đất trồng lúa và địa phương quản lý đất trồng lúa.

c) Đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch; tuân thủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, phạm vi, nội dung, định mức, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Phạm vi hỗ trợ

Phạm vi hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao, cho thuê hoặc cấp đất trồng lúa sản xuất ổn định, trực tiếp tham gia sản xuất và các cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

Định mức và sử dụng nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ cho tỉnh hàng năm theo khoản 1 Điều 14 và nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách nhà nước theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh. Tùy thuộc vào điều kiện để phân bổ nguồn kinh phí cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp) quyết định thực hiện các hoạt động sau:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa:

Sử dụng 50% nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ cho tỉnh hàng năm theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP dùng hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa để áp dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo từng loại đất trồng lúa như sau:

- Đất chuyên trồng lúa (02 vụ lúa nước trở lên trong năm): Hỗ trợ 750.000 đồng/ha/năm.

- Đất trồng lúa còn lại (01 vụ lúa nước trong năm và đất lúa nương, trừ đất lúa nương tự phát được mở rộng không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa): Hỗ trợ 375.000 đồng/ha/năm.

b) Sử dụng 10% nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ cho tỉnh hàng năm theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh để hỗ trợ cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện các hoạt động:

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần theo định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành có liên quan và dự toán kinh phí được phê duyệt.

- Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ. Mức hỗ trợ tối đa mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ không quá 50% kinh phí theo hợp đồng thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 300 triệu đồng/giống và chưa nhận bất kỳ hỗ trợ nào từ nguồn ngân sách nhà nước, phần kinh phí còn lại do tổ chức, cá nhân chi trả.

c) Phần kinh phí còn lại (40%) và nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách nhà nước theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP để thực hiện các hoạt động sau:

Hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã với mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý, xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm chuyển đổi số tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu